

Số: 58 /2012/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 06 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Quy định chế độ đặc thù đối với
Huấn luyện viên, Vận động viên Thể thao thành tích cao
và bồi dưỡng cho các lực lượng phục vụ giải.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOẢ VIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 23/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết về Quy định chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, Vận động viên Thể thao thành tích cao và Chế độ bồi dưỡng cho lực lượng tổ chức thi đấu các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 29/6/2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Nghị quyết về Chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, Vận động viên Thể thao thành tích cao và bồi dưỡng cho các lực lượng phục vụ giải, cụ thể như sau:

1. Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên Thể thao thành tích cao:

a. Đối tượng áp dụng:

Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại các Trung tâm huấn luyện thể thao, Trường năng khiếu thể thao,

b. Phạm vi áp dụng:

- Đội tuyển tỉnh, ngành;
- Đội tuyển trẻ tỉnh, ngành;
- Đội tuyển năng khiếu tỉnh;
- Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

c. Thời gian áp dụng: Là số ngày có mặt thực tế tập trung tập luyện và tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d. Nguồn kinh phí: Kinh phí chi trả cho chế độ quy định tại Nghị quyết này được bố trí trong dự toán hàng năm của các Sở, ngành, theo quy định hiện hành của Nhà nước về phân cấp ngân sách nhà nước. Nhà nước khuyến khích các Liên đoàn, hội Thể thao tỉnh, các đơn vị quản lý vận động viên, huấn luyện viên và các tổ chức liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao.

e. Chế độ dinh dưỡng được tính bằng tiền cho một ngày tập trung tập luyện và thi đấu của vận động viên, huấn luyện viên mức quy định như sau:

- Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện:

Tập luyện ở trong tỉnh: Là số ngày vận động viên, huấn luyện viên có mặt thực tế tập trung tập luyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

Đơn vị tính: (đồng/người/ngày)

STT	Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển	Mức ăn hàng ngày
1	Đội tuyển tỉnh	120.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	100.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển cấp huyện, ngành	80.000

Đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao thuộc nhóm có khả năng giành huy chương Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc, tham gia thi đấu các giải thể thao Châu Á, Đông Nam Á được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc biệt trong thời gian tập trung tập luyện để được hưởng mức ăn hàng ngày là 200.000 đồng/người/ngày, trong thời gian tối đa là 90 ngày. Trong thời gian hưởng chế độ này các vận động viên, huấn luyện viên không được hưởng chế độ quy định tại điểm a khoản này.

Tập luyện ở nước ngoài: Là số ngày thực tế theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền trên cơ sở thư mời hoặc hợp đồng đào tạo, tập huấn được ký kết giữa cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo vận động viên, huấn luyện viên thể thao ở trong

nước với nước ngoài và cân đối trong khuôn khổ dự toán ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp thể dục, thể thao được cấp có thẩm quyền thông báo đầu năm. Trong thời gian đi tập huấn ở nước ngoài các vận động viên, huấn luyện viên không được hưởng chế độ quy định tại điểm a khoản này.

- Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung thi đấu:

Đơn vị tính:(đồng/người/ngày)

STT	Vận động viên, huấn luyện viên đội tuyển	Mức ăn hàng ngày
1	Đội tuyển tỉnh	200.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	150.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh, đội tuyển cấp huyện, ngành	150.000

2. Tiền thuê phòng nghỉ trong thời gian tập huấn và thi đấu giải:

Thực hiện theo hình thức khoán cho các đoàn huấn luyện viên, vận động viên đi tham gia thi đấu theo đoàn:

a. Thi đấu ngoài tỉnh: 300.000đ/người/ngày;

b. Thi đấu trong tỉnh: 150.000đ/người/ngày;

3. Chế độ bồi dưỡng cho lực lượng tổ chức thi đấu các giải thể thao

a. Đối tượng áp dụng:

- Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao;

- Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;

- Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;

- Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

b. Nội dung chi:

Chi tiền ăn, chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 phần 3;

c. Mức chi:

- Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia tổ chức tại tỉnh:

Tiền ăn 100.000đ/người/ ngày;

Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ:

+ Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn:

120.000 đồng/người/ngày;

+ Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 100.000 đồng/người/ngày;

- + Giám sát, trọng tài chính: 85.000 đồng/người/buổi;
- + Thư ký, trọng tài khác: 60.000 đồng/người/buổi;
- + Công an, y tế: 50.000 đồng/người/buổi;
- + Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên, phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

- Đối với các giải thi đấu cấp tỉnh:

Tiền ăn không quá 100.000đ/người/ ngày;

Tiền làm nhiệm vụ:

+ Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các Tiểu ban chuyên môn:

80.000 đồng/người/ngày;

+ Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng/người/ngày;

+ Giám sát, trọng tài chính: 60.000 đồng/người/buổi;

+ Thư ký, trọng tài khác: 50.000 đồng/người/buổi;

+ Công an, y tế: 45.000 đồng/người/buổi;

+ Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ:

45.000 đồng/người/buổi.

Tiền thuê phòng nghỉ: Các giải thể thao cấp tỉnh tổ chức thi đấu ở các huyện hoặc các giải thể thao cấp tỉnh có huy động lực lượng trọng tài cấp huyện lên tỉnh làm nhiệm vụ thì tiền ngủ cho Ban tổ chức, trọng tài được chi thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành.

- Đối với các giải thi đấu cấp huyện: Đảm bảo chi cho lực lượng tối thiểu bằng 70% mức chi cấp tỉnh.

- Đối với các giải thi đấu thể thao do các ngành, Liên đoàn, Hội thể thao tổ chức:

Các ngành, Liên đoàn, Hiệp hội thể thao tự cân đối kinh phí tổ chức giải. Chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao này được vận dụng theo chế độ chi tiêu tổ chức các giải thi đấu thể thao của tỉnh.

Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao (nếu có) 15.000.000 đồng/giải/năm. Đối với các đơn vị phối hợp liên tịch với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch mức tối đa 30.000.000đồng/giải/năm.

4. Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội thể dục thể thao toàn tỉnh, Hội thi thể thao như sau:

a. Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân, mức chi căn cứ Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút và Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-VHTT-BTC ngày 01/7/2003 của Bộ Văn hoá Thông tin và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận

bút cho một số tác phẩm được quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP.

b. Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

- Người tập: Tập luyện: 30.000 đồng/người/buổi. Tổng duyệt (tối đa 2 buổi) không quá 40.000 đồng/người/buổi. Chính thức 70.000 đồng/người/buổi;
- Giáo viên quản lý, hướng dẫn: 60.000 đồng/người/buổi.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2012.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT.Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở: VH-TTDL, TC, TP, Kho bạc NN;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Trường, Phó P.Ct HĐND MS

CHỦ TỊCH



Niê Thuật